

Số: /2025/QĐ-UBND

Hà Nội, ngày tháng năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành bộ định mức kinh tế - kỹ thuật dịch vụ sự nghiệp công sử dụng
ngân sách nhà nước lĩnh vực Công Thương thành phố Hà Nội**

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25/6/2015;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 32/2019/NĐ-CP ngày 10/4/2019 của Chính phủ quy định giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu cung cấp sản phẩm, dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước từ nguồn kinh phí chi thường xuyên;

Căn cứ Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Công Thương tại Tờ trình số 6628/TTr-SCT ngày 30/12/2024, Văn bản số 3557/SCT-TT KC ngày 03/7/2025 về việc phê duyệt Quyết định ban hành bộ định mức kinh tế - kỹ thuật dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước lĩnh vực Công Thương thành phố Hà Nội.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này 83 bộ định mức kinh tế - kỹ thuật dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước lĩnh vực Công Thương, gồm:

1. Tổ chức thông tin, tuyên truyền trên báo giấy, báo điện tử, truyền thanh, truyền hình, ấn phẩm, tờ rơi, tờ gấp và các hình thức phổ biến thông tin khác về hoạt động điện lực, sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả (được quy định tại Phụ lục số 01).

2. Tổ chức đào tạo, tập huấn nâng cao năng lực về sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả, hội nghị, hội thảo có trưng bày giới thiệu trang thiết bị công nghệ tiết kiệm năng lượng cho các cơ sở sử dụng năng lượng: sản xuất công nghiệp, công trình xây dựng, hộ gia đình (được quy định tại Phụ lục số 02).

3. Tổ chức cuộc thi, xét chọn công nhận danh hiệu về sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả cho các cơ sở sử dụng năng lượng trong sản xuất công nghiệp, công trình xây dựng, hộ gia đình (được quy định tại Phụ lục số 03).

4. Xây dựng các mô hình hiệu quả năng lượng cho các cơ sở sử dụng năng lượng (được quy định tại Phụ lục số 04).

5. Hỗ trợ kỹ thuật kiểm toán năng lượng, đánh giá hiệu quả năng lượng theo Quy chuẩn Việt Nam cho các cơ sở sử dụng năng lượng: sản xuất công nghiệp, công trình xây dựng, giao thông vận tải (được quy định tại Phụ lục số 05).

6. Hỗ trợ kỹ thuật xây dựng mô hình quản lý năng lượng cho các cơ sở sử dụng năng lượng trong: sản xuất công nghiệp, công trình xây dựng, giao thông vận tải (được quy định tại Phụ lục số 06).

7. Hỗ trợ đánh giá hiệu quả áp dụng trang thiết bị, công nghệ tiết kiệm năng lượng cho các cơ sở sử dụng năng lượng trong sản xuất công nghiệp, công trình xây dựng, giao thông vận tải và hộ gia đình (được quy định tại Phụ lục số 07).

8. Hỗ trợ kỹ thuật áp dụng các công cụ phần mềm tính toán, mô phỏng hiệu quả năng lượng cho các cơ sở sản xuất công nghiệp và công trình xây dựng (được quy định tại Phụ lục số 08).

9. Hỗ trợ kỹ thuật, tổ chức cho các cơ sở sử dụng năng lượng trong sản xuất công nghiệp, công trình xây dựng tham gia đánh giá, công nhận cơ sở, công trình xây dựng sử dụng năng lượng Xanh theo Tiêu chí của Thành phố (được quy định tại Phụ lục số 09).

10. Tổ chức hội chợ triển lãm trong nước về thúc đẩy thị trường sản phẩm, trang thiết bị, công nghệ tiết kiệm năng lượng (được quy định tại Phụ lục số 10).

11. Tổ chức, tham gia hội chợ triển lãm tại nước ngoài về sản phẩm công nghệ tiết kiệm năng lượng (được quy định tại Phụ lục số 11).

12. Cung cấp thông tin phục vụ công tác xử lý sự cố hóa chất (được quy định tại Phụ lục số 12).

13. Cập nhật danh mục hóa chất nguy hiểm; danh mục hóa chất cấm phải xây dựng kế hoạch, biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất (được quy định tại Phụ lục số 13).

14. Xây dựng và vận hành cơ sở dữ liệu hóa chất, danh mục hóa chất (được quy định tại Phụ lục số 14).

15. Xây dựng, quản lý hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu trong và ngoài nước phục vụ công tác quản lý nhà nước về cạnh tranh, chống bán phá giá, trợ cấp, tự vệ, kỹ năng điều hành cạnh tranh, về điều tra viên vụ việc cạnh tranh (được quy định tại Phụ lục số 15).

16. Tuyên truyền, phổ biến, phát hành các ấn phẩm tuyên truyền, giới thiệu về quản lý cạnh tranh, phòng vệ thương mại. (được quy định tại Phụ lục số 16).

17. Thực hiện khảo sát, thu thập, phân tích thông tin về lĩnh vực cạnh tranh phòng vệ thương mại (được quy định tại Phụ lục số 17).

18. Đào tạo, tuyên truyền, phổ biến xã hội hóa về thương mại điện tử (được quy định tại Phụ lục số 18).

19. Xây dựng mô hình, giải pháp thí điểm đẩy mạnh phát triển thương mại điện tử (được quy định tại Phụ lục số 19).

20. Tổ chức thông tin, tuyên truyền trên báo giấy, báo điện tử, truyền thanh, truyền hình, ấn phẩm, tờ rơi, tờ gấp và các hình thức phổ biến thông tin khác về các nội dung của hoạt động khuyến công, xúc tiến thương mại (được quy định tại Phụ lục số 20).

21. Tổ chức đào tạo nghề, truyền nghề và nâng cao tay nghề ngắn hạn cho người lao động của các cơ sở công nghiệp nông thôn (được quy định tại Phụ lục số 21).

22. Tổ chức các lớp tập huấn nâng cao năng lực cho các cơ sở công nghiệp nông thôn (được quy định tại Phụ lục số 22).

23. Tổ chức các khóa đào tạo khởi sự quản trị doanh nghiệp cho các tổ chức cá nhân là đối tượng thuộc chương trình khuyến công (được quy định tại Phụ lục số 23).

24. Tổ chức hội nghị, hội thảo, diễn đàn trong nước về khuyến công kết hợp trưng bày và giới thiệu sản phẩm cho các cơ sở công nghiệp nông thôn (được quy định tại Phụ lục số 24).

25. Tổ chức cuộc thi thiết kế mẫu sản phẩm thủ công mỹ nghệ mới cho các tổ chức, cá nhân thuộc chương trình khuyến công (được quy định tại Phụ lục số 25).

26. Xây dựng, tài liệu tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ cho cán bộ làm công tác khuyến công (được quy định tại Phụ lục số 26).

27. Hỗ trợ xây dựng mô hình trình diễn để phổ biến công nghệ mới, sản xuất sản phẩm mới cho cơ sở công nghiệp nông thôn; mô hình đang hoạt động hiệu quả của cơ sở công nghiệp nông thôn để phổ biến tuyên truyền, nhân rộng cho các tổ chức, cá nhân khác học tập áp dụng (được quy định tại Phụ lục số 27).

28. Hỗ trợ ứng dụng, đầu tư dây chuyền công nghệ, máy móc, thiết bị tiên tiến, hiện đại vào sản xuất công nghiệp – tiểu thủ công nghiệp cho các cơ sở công nghiệp nông thôn (được quy định tại Phụ lục số 28).

29. Tổ chức, tham gia hội chợ, triển lãm hàng công nghiệp nông thôn tại thành phố Hà Nội và các tỉnh, thành phố trong nước (được quy định tại Phụ lục số 29).

30. Tổ chức đoàn doanh nghiệp nước ngoài vào Hà Nội giao dịch mua hàng tại hội chợ thuộc chương trình khuyến công (được quy định tại Phụ lục số 30).

31. Tổ chức, tham gia hội chợ, triển lãm tại nước ngoài cho đối tượng thuộc chương trình khuyến công, xúc tiến thương mại (được quy định tại Phụ lục số 31).

32. Tổ chức bình chọn sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu cấp thành phố cho các cơ sở công nghiệp nông thôn (được quy định tại Phụ lục số 32).

33. Hỗ trợ xây dựng, đăng ký nhãn hiệu cho cơ sở công nghiệp nông thôn (được quy định tại Phụ lục số 33).

34. Hỗ trợ xây dựng phòng trưng bày, giới thiệu quảng bá sản phẩm cho cơ sở công nghiệp nông thôn (được quy định tại Phụ lục số 34).

35. Hỗ trợ thuê tư vấn, trợ giúp trong các lĩnh vực: Lập dự án đầu tư; Marketing; Thiết kế mẫu mã sản phẩm; quản lý sản xuất, tài chính, kế toán, nhân lực; ứng dụng công nghệ, thiết bị mới cho các cơ sở công nghiệp nông thôn (được quy định tại Phụ lục số 35).

36. Tổ chức đoàn tham quan, khảo sát học tập kinh nghiệm trong nước về tổ chức triển khai hoạt động khuyến công (được quy định tại Phụ lục số 36).

37. Cập nhật cơ sở dữ liệu và trang thông tin điện tử về khuyến công (được quy định tại Phụ lục số 37).

38. Thông tin thương mại xuất khẩu: xây dựng, phát hành, tổ chức phổ biến thông tin, cơ sở dữ liệu về sản phẩm, ngành hàng, thị trường; hướng dẫn, hỗ trợ doanh nghiệp tiếp cận, áp dụng và tuân thủ các quy định, tiêu chuẩn, điều kiện của các tổ chức nhập khẩu, cam kết quốc tế về sản phẩm xuất nhập khẩu (được quy định tại Phụ lục số 38).

39. Tuyên truyền, quảng bá xuất khẩu: tổ chức tuyên truyền, quảng bá sản phẩm, ngành hàng, chỉ dẫn địa lý, nhãn hiệu tập thể, nhãn hiệu chứng nhận của Việt Nam ở nước ngoài; mời tổ chức, chuyên gia truyền thông nước ngoài vào Việt Nam sản xuất sản phẩm truyền thông quảng bá cho ngành hàng xuất khẩu của Hà Nội ở nước ngoài (được quy định tại Phụ lục số 39).

40. Hỗ trợ phát triển sản phẩm, nâng cao chất lượng sản phẩm: Đào tạo tập huấn, phổ biến kiến thức, nâng cao năng lực thiết kế, phát triển sản phẩm xuất khẩu; thuê chuyên gia tư vấn, hỗ trợ thực hiện thiết kế, phát triển sản phẩm; nâng cao năng lực xúc tiến thương mại, kỹ năng phát triển thị trường, tổ chức mạng lưới bán lẻ (được quy định tại Phụ lục số 40).

41. Tổ chức, tham gia Hội chợ, triển lãm quốc tế tại Việt Nam đối với sản phẩm xuất khẩu của Việt Nam; sản phẩm của doanh nghiệp nước ngoài có nhu cầu nhập khẩu từ Việt Nam; sản phẩm, nguyên liệu, thiết bị nhập khẩu phục vụ sản xuất hàng xuất khẩu, sản phẩm công nghệ, nguyên liệu đầu vào phục vụ các sản phẩm có lợi thế cạnh tranh do trong nước sản xuất (được quy định tại Phụ lục số 41).

42. Tổ chức đoàn giao dịch thương mại, hoạt động xúc tiến thương mại tổng hợp tại nước ngoài (tham gia Hội chợ, triển lãm và giao dịch thương mại tại nước ngoài) (được quy định tại Phụ lục số 42).

43. Tổ chức giao dịch thương mại tại Việt Nam: tổ chức đoàn doanh nghiệp nước ngoài vào giao dịch, mua hàng tại Hà Nội; kết nối giao thương giữa nhà cung cấp với các doanh nghiệp xuất khẩu; giao thương, kết nối cung cầu hàng hóa giữa nhà sản xuất và nhà phân phối (được quy định tại Phụ lục số 43).

44. Tổ chức, tham gia hội nghị quốc tế, hội chợ, triển lãm chuyên ngành, tổng hợp tại Hà Nội và các tỉnh, thành phố trong nước (được quy định tại Phụ lục số 44).

45. Tổ chức trưng bày, giới thiệu và xuất khẩu hàng hóa qua gian hàng chung trên sàn giao dịch thương mại điện tử (được quy định tại Phụ lục số 45).

46. Hỗ trợ phát triển, vận hành hạ tầng thương mại, logistic phục vụ hoạt động ngoại thương (được quy định tại Phụ lục số 46).

47. Tham gia Hội chợ triển lãm chuyên ngành, tổng hợp tại Hà Nội và các tỉnh thành phố trong nước (được quy định tại Phụ lục số 47).

48. Tổ chức Khu gian hàng thành phố Hà Nội trưng bày, quảng bá giới thiệu chung về thành tựu, sản phẩm tiêu biểu tại hội chợ triển lãm tại các tỉnh, thành phố trong nước (được quy định tại Phụ lục số 48).

49. Tổ chức chương trình xúc tiến thương mại thị trường trong nước tổng hợp: đưa hàng Việt về nông thôn, các huyện ngoại thành, khu công nghiệp, cụm công nghiệp; chương trình khuyến mại tập trung, tuần hàng Việt; giới thiệu, bình chọn hàng Việt Nam được người tiêu dùng yêu thích (được quy định tại Phụ lục số 49).

50. Điều tra khảo sát, nghiên cứu thị trường trong nước; xây dựng cơ sở dữ liệu các mặt hàng quan trọng thiết yếu; nghiên cứu phát triển hệ thống phân phối, cơ sở hạ tầng thương mại; phổ biến pháp luật, tập quán, thói quen mua sắm (được quy định tại Phụ lục số 50).

51. Tổ chức các hoạt động thông tin, tuyên truyền, kết nối, quảng bá, xúc tiến, giao thương thúc đẩy phát triển sản phẩm công nghiệp chủ lực (được quy định tại Phụ lục số 51).

52. Tổ chức tập huấn nâng cao năng lực cho các doanh nghiệp sản xuất sản phẩm công nghiệp chủ lực thành phố Hà Nội (được quy định tại Phụ lục số 52).

53. Tổ chức xét chọn sản phẩm công nghiệp chủ lực (được quy định tại Phụ lục số 53).

54. Tổ chức hội nghị, hội thảo, triển lãm trong nước và quốc tế về sản phẩm công nghiệp chủ lực (được quy định tại Phụ lục số 54).

55. Tổ chức lễ tôn vinh, trao danh hiệu cho các doanh nghiệp sản xuất sản phẩm công nghiệp chủ lực thành phố Hà Nội (được quy định tại Phụ lục số 55).

56. Hỗ trợ đánh giá năng lực cho doanh nghiệp công nghiệp hỗ trợ theo các tiêu chí của Thành phố (được quy định tại Phụ lục số 56).

57. Hỗ trợ kỹ thuật xây dựng và áp dụng hệ thống quản lý đáp ứng yêu cầu các chuỗi sản xuất toàn cầu trong quản trị doanh nghiệp cho doanh nghiệp công nghiệp hỗ trợ (được quy định tại Phụ lục số 57).

58. Tổ chức đoàn giao dịch, đầu tư về trang thiết bị công nghệ tại nước ngoài cho các doanh nghiệp công nghiệp hỗ trợ (được quy định tại Phụ lục số 58).

59. Tổ chức, tham gia hội chợ, triển lãm sản phẩm công nghiệp hỗ trợ trong nước (được quy định tại Phụ lục số 59).

60. Hỗ trợ các doanh nghiệp quảng bá, đăng ký thương hiệu sản phẩm công nghiệp hỗ trợ (được quy định tại Phụ lục số 60).

61. Hỗ trợ đánh giá khả năng và nhu cầu áp dụng các tiêu chuẩn, hệ thống quản lý trong sản xuất cho các doanh nghiệp công nghiệp hỗ trợ (được quy định tại Phụ lục số 61).

62. Tổ chức đánh giá, công nhận hệ thống quản trị sản xuất cho các doanh nghiệp công nghiệp hỗ trợ (được quy định tại Phụ lục số 62).

63. Hỗ trợ đánh giá nhu cầu về nhân lực cho các doanh nghiệp công nghiệp hỗ trợ (được quy định tại Phụ lục số 63).

64. Hỗ trợ nghiên cứu ứng dụng, sản xuất thử nghiệm, chuyển giao công nghệ cho các doanh nghiệp và các cơ sở nghiên cứu trong lĩnh vực công nghiệp hỗ trợ (được quy định tại Phụ lục số 64).

65. Hỗ trợ hoàn thiện, đổi mới công nghệ và sản xuất thử nghiệm cho các doanh nghiệp công nghiệp hỗ trợ (được quy định tại Phụ lục số 65).

66. Hỗ trợ tiếp nhận chuyển giao công nghệ tiên tiến, hiện đại cho các doanh nghiệp công nghiệp hỗ trợ (được quy định tại Phụ lục số 66).

67. Hỗ trợ mua bản quyền, sáng chế, phần mềm cho các doanh nghiệp công nghiệp hỗ trợ (được quy định tại Phụ lục số 67).

68. Hỗ trợ thuê chuyên gia nước ngoài và đào tạo nguồn nhân lực cho các doanh nghiệp công nghiệp hỗ trợ (được quy định tại Phụ lục số 68).

69. Khảo sát, xây dựng và cập nhật cơ sở dữ liệu doanh nghiệp sản xuất sản phẩm hoàn chỉnh và sản phẩm công nghiệp hỗ trợ (được quy định tại Phụ lục số 69).

70. Nhập dữ liệu, tạo lập các trang siêu văn bản, tạo lập thông tin điện tử trên cơ sở các dữ liệu có sẵn, số hóa thông tin về công nghiệp hỗ trợ (được quy định tại Phụ lục số 70).

71. Mua cơ sở dữ liệu, cung cấp thông tin cung cầu về thị trường sản phẩm và chính sách về công nghiệp hỗ trợ (được quy định tại Phụ lục số 71).

72. Tổ chức tuyên truyền, phổ biến, nâng cao nhận thức về sản xuất và tiêu dùng bền vững thông qua các chuyên đề, chuyên mục trên báo chí, truyền hình, tờ rơi, tờ gấp và các hình thức phổ biến thông tin khác về các nội dung sản xuất tiêu dùng bền vững (được quy định tại Phụ lục số 72).

73. Tổ chức tập huấn, hội nghị, hội thảo nâng cao năng lực về sản xuất và tiêu dùng bền vững cho các cơ sở sản xuất, phân phối và tiêu dùng (được quy định tại Phụ lục số 73).

74. Hỗ trợ các doanh nghiệp tham gia hội chợ, triển lãm quốc tế tại nước ngoài thúc đẩy kết nối chuỗi sản xuất và tiêu dùng bền vững (được quy định tại Phụ lục số 74).

75. Hỗ trợ kỹ thuật triển khai mô hình kinh doanh xanh cho các doanh nghiệp phân phối – dịch vụ (được quy định tại Phụ lục số 75).

76. Tổ chức các hội chợ, chương trình chuỗi kết nối “Mạng lưới sản xuất và tiêu dùng bền vững” (được quy định tại Phụ lục số 76).

77. Xây dựng cơ sở dữ liệu về mạng lưới kết nối sản xuất và tiêu dùng bền vững (được quy định tại Phụ lục số 77).

78. Hỗ trợ kỹ thuật theo phương pháp tiếp cận vòng đời sản phẩm nhằm đổi mới, sáng tạo các mô hình sản xuất cho các cơ sở sản xuất thuộc khu công nghiệp, cụm công nghiệp (được quy định tại Phụ lục số 78).

79. Hỗ trợ kỹ thuật cho các doanh nghiệp thực hiện mô hình thực hành tái chế, tái sử dụng nguyên nhiên liệu áp dụng sản xuất và tiêu dùng bền vững để giảm phát thải cho các cơ sở sản xuất công nghiệp, kinh doanh thương mại và dịch vụ (được quy định tại Phụ lục số 79).

80. Xây dựng, ứng dụng, phổ biến công cụ hỗ trợ trong quản lý để áp dụng sản xuất và tiêu dùng bền vững cho các doanh nghiệp sản xuất và phân phối (được quy định tại Phụ lục số 80).

81. Hỗ trợ kỹ thuật đánh giá sản xuất sạch hơn cho các cơ sở sản xuất công nghiệp, kinh doanh thương mại, dịch vụ trong lĩnh vực công thương (được quy định tại Phụ lục số 81).

82. Hỗ trợ kỹ thuật triển khai mô hình kinh doanh xanh, kết nối lĩnh vực phân phối - dịch vụ bền vững (được quy định tại Phụ lục số 82).

83. Hỗ trợ kỹ thuật cho các doanh nghiệp thực hiện mô hình thực hành giảm thiểu tái chế trong sản xuất công nghiệp, kinh doanh thương mại và trong ngành dịch vụ (được quy định tại Phụ lục số 83).

Điều 2. Quyết định có hiệu lực kể từ ngày / /2025 và thay thế Quyết định số 40/2024/QĐ-UBND ngày 05/6/2024 của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội ban hành một số bộ định mức kinh tế - kỹ thuật dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước lĩnh vực Công Thương thành phố Hà Nội.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố; Giám đốc các Sở: Công Thương, Tài chính; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhân:

- Như Điều 3;
- Bộ Công Thương;
- Thường trực HĐND TP;
- Chủ tịch UBND TP;
- Các Phó Chủ tịch UBND TP;
- Cục Kiểm tra văn bản và QLXLVPHC (Bộ Tư pháp);
- Các sở, ban, ngành Thành phố;
- UBND các xã, phường;
- VPUBTP: CVP, các PCVP, các PCM, TTTT, DL&CNS TP;
- Lưu: VT, KT_{Quyết.}

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Mạnh Quyền